

-(으)ㄴ 따름이다

chỉ có thể, chỉ đơn thuần

Dạng trang trọng của -(으)ㄴ 뿐이다. Bạn gặp nó trong bài phát biểu, tuyên bố chính thức và lời xin lỗi — hiếm khi ở chỗ khác.

Cách kết hợp

Loại gốc từ	Dạng	Ví dụ
Kết thúc bằng nguyên âm	-ㄴ 따름이다	감사하다 → 감사할 따름입니다
Kết thúc bằng phụ âm	-을 따름이다	믿다 → 믿을 따름입니다
Kết thúc bằng ㄹ	không thêm gì	만들다 → 만들 따름입니다
Cụm cố định	감사할, 안타까울	죄송할 따름입니다
Viết cách	따름 là danh từ	감사할 따름입니다
Dạng thường ngày	-(으)ㄴ 뿐이다	감사할 뿐이에요

Khi nào dùng

Cách gắn theo quy tắc chuẩn với dạng ngắn cho ㄴ: 만들다 thành 만들 따름이다. 따름 là danh từ và được viết cách.

Nó thu hẹp câu nói vào một điều duy nhất và khép lại, y như 뿐이다. Khác biệt nằm ở mức độ trang trọng: 따름이다 chỉ dùng trong ngữ cảnh trang trọng, và dùng một cách thân mật sẽ nghe như đóng kịch.

Một số cụm cố định chiếm phần lớn cách dùng của nó: 감사할 따름입니다, 안타까울 따름입니다, 죄송할 따름입니다. Học nguyên cụm là cách hiệu quả.

Nó cũng thể hiện sự bất lực — không còn làm gì khác được: 그저 기다릴 따름입니다.

Ví dụ trong câu

- 1 그저 감사할 따름입니다.**
Tôi chỉ biết cảm ơn.
- 2 이런 결과가 나와 안타까울 따름입니다.**
Chỉ đáng tiếc là mọi chuyện đã thành ra như vậy.
- 3 저는 맡은 일을 했을 따름입니다.**
Tôi chỉ đơn thuần làm công việc được giao.
- 4 지금으로서는 결과를 기다릴 따름입니다.**
Hiện tại chúng tôi chỉ có thể chờ kết quả.
- 5 불편을 드려 죄송할 따름입니다.**
Chúng tôi chỉ biết xin lỗi vì sự bất tiện.
- 6 저희는 좋은 제품을 만들 따름입니다.**
Chúng tôi chỉ đơn giản là làm ra sản phẩm tốt.

So sánh với

-(으)ㄴ 뿐이다
Nghĩa giống hết, khác mức trang trọng. 뿐이다 dùng được ở mọi nơi; 따름이다 đánh dấu câu là trang trọng.
감사할 뿐이에요. (văn nói) / 감사할 따름입니다. (tuyên bố trang trọng)

-에 불과하다
불과하다 hạ thấp một danh từ trong lập luận; 따름이다 giới hạn vị ngữ, thường để thể hiện sự khiêm tốn hoặc bất lực.
소문에 불과합니다. (chỉ là tin đồn) / 기다릴 따름입니다. (chúng tôi chỉ có thể chờ)

-(으)ㄴ 수밖에 없다
수밖에 없다 nói thẳng rằng không có lựa chọn khác; 따름이다 nói cùng điều đó một cách khiêm chế và trang trọng hơn.
기다릴 수밖에 없어요. / 기다릴 따름입니다.

Lưu ý

- ✗ 저희는 좋은 제품을 만들을 따름입니다.**
○ 저희는 좋은 제품을 만들 따름입니다.
Gốc từ kết thúc bằng ㄴ đã có sẵn ㄴ, giống như 만들 거예요 và 만들 뿐이에요.
- ✗ 아, 나는 그냥 갈 따름이야.**
○ 아, 나는 그냥 갈 뿐이야.
따름이다 mang tính trang trọng. Giữa bạn bè nó nghe như một thông cáo báo chí.
- ✗ 그저 감사할따름입니다.**
○ 그저 감사할 따름입니다.
따름 là danh từ và được viết cách sau định ngữ.